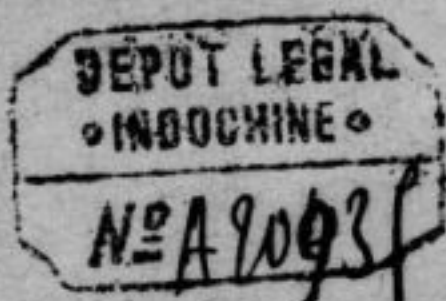


# ĐẠI VIỆT

## TẬP CHÍ

REVUE BI-MENSUELLE PARAissant LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS



Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG \*



### MỤC LỤC

|                                                           |                  |
|-----------------------------------------------------------|------------------|
| Tư đức, Công đức . . . . .                                | HỒ-VĂN TRUNG     |
| Luân lý và Hành trị . . . . .                             | TRÚC-HÀ          |
| Bão định hà (Arroyo de la Poste) . . . . .                | LÊ-THỌ-XUÂN      |
| Điều nên biết về trẻ em trong thời kỳ đương lớn. .        | Bác sĩ GIU       |
| Lược khảo về chế độ cai trị người Minh-hương. KHUÔNG-VIỆT |                  |
| Hiền-triết Hy-lạp : Zénon . . . . .                       | LÊ-CHÍ-THIỆP     |
| « Rương vàng của con tôi » (tiếp theo). .                 | TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG |
| Ái-tình Miêu (tiểu-thuyết) . . . . .                      | HỒ BIỂU-CHÁNH    |



Bao-quan : 5, rue de Reims Saigon — Gia moi so 0 \$ 30

# TRIVIA HỒ ĐẤT

TRIVIA HỒ ĐẤT: MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ ĐÁP SỐ

TRIVIA HỒ ĐẤT: MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ ĐÁP SỐ

TRIVIA HỒ ĐẤT

TRIVIA HỒ ĐẤT: MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ ĐÁP SỐ

# TƯ ĐỨC, CÔNG ĐỨC



OÀI người hơn thua nhau về mặt vật chất là tại tài nghề, còn hơn thua nhau về mặt tinh-thần là tại đạo-đức.

Dân tộc nào cũng vậy, phải có đủ đạo-đức giáo dục thì mới đáng gọi là văn - minh, còn nếu không có đạo đức giáo dục thì là dã-man, dầu có tài hay, nghề khéo, sức mạnh, tri cao, cũng chưa đáng gọi là hoàn toàn văn minh được.

Ấy vậy đạo đức là cái mục đích tấn hóa của nơon loại, là cái tinh-hoa của dân-tộc, là sự cần thiết của quốc-gia, nói tóm một lời, là cái động lực để đưa con người từ thú dã man đến cõi văn minh.

Đạo đức của con người khi tích tụ ở trong lòng, ở trong trí, thì chỉ có một gốc, một nguồn mà thôi, mà đến chừng phát biểu ra ngoài, thì lại phân làm hai loại : 1. *Tư đức*, 2. *Công đức*.

Con người đối với thân phận riêng của mình mà được trọn lành, ấy là *tư đức*.

Còn con người đối với xã hội, đối với quốc-gia, mà được trọn lành, ấy là *công đức*.

Làm người cần phải lo tu dưỡng cho có đủ cả tư đức và công đức mới được ; hai đức ấy đều phải đầy đủ như nhau, không đức nào thua kém đức nào, thì con người mới được hoàn toàn tư-cách.

Vì như trong một xứ mà cả thấy mọi người đều bèn nhát, giả dối, gian tham, nơon nhuốc, tàn nhẫn, hung bạo, ngu xuẩn, yếu ớt, không hiểu cang thường, không biết đạo nghĩa là gì, thì dân ấy là một bộ dân dã-man mọi rợ, làm sao mà kết đoàn để lập thành một nước cho được.

Còn vì như trong một xứ mà mỗi người riêng mỗi bụng, ai lo phận nấy, ai chết nấy chịu, ai giời nấy nhờ, thì dầu có muôn ngàn người đầy đủ đức tốt lành lành đi nữa, cũng khó mà lập thành một nước có đủ lực lượng để đối phó với ngoại bang.

Ấy vậy, các nước trên hoàn-cầu, vì muốn dân được văn-minh, nước được cường thịnh, nên phải chú trọng quốc-gia

luân-lý, dân dân cũng phải lo thiết lập nền luân-lý giáo-dục để phổ hóa quốc-dân. Tuy nói đạo-lý chỉ có một, chứ không hai, nhưng mà nếu xét về hình-thức thì chúng ta thấy luân-lý của nước này có khác hơn luân-lý của nước kia nhiều ít.

Luân-lý của các nước Âu Mỹ thì phân làm ba loại : 1° Gia-tộc luân-lý, 2° Xã-hội luân-lý, 3° Quốc-gia luân-lý.

Quốc-trưởng PÉTAIN xây nền luân-lý mới để phục hưng nước Pháp, ngài lấy ba đức lớn mà làm biểu hiệu : *Cần lao, Gia đình, Tổ quốc*. Ba đức ấy phù hiệp với đạo tu thân, lễ gia, trị quốc của Nho giáo.

Người Việt Nam ta từ xưa hấp thụ văn hóa của Trung hoa, nên đã có sẵn một nền luân lý cổ cựu đến mấy ngàn năm, nhưng cũng như bên Trung hoa, nền luân lý của ta thật đầy đủ về phía tư đức, mà lại khiếm khuyết về phía công đức.

Rèn tập đạo đức thì chúng ta cũng như người Trung-hoa, từ xưa chúng ta cứ do theo Tứ-thơ, Ngũ-kinh mà làm gốc. Mà xét lại trong những sách ấy thánh hiền chuyên dạy tư đức rất kỹ lưỡng, còn về công đức thì lời nói huyền diệu khó phổ thông trong dân gian được.

Thuở nay luân lý của ta gồm có :

A.— 5 bằng là : 1° quân thần, 2° phụ tử, 3° phu phụ, 4° huynh đệ, 5° bằng hữu.

B.— 3 cương cảnh là : 1° minh minh đức, 2° thân dân, 3° chí t chí thiện.

C.— 8 điều mục là : 1° cách vật, 2° trí tri, 3° thành ý, 4. chánh tâm, 5° tu thân, 6° lễ gia, 7° trị quốc, 8° bình thiên-hạ.

Nếu chúng ta đem nền luân lý của chúng ta đây mà so sánh với nền luân lý của các nước Âu Mỹ kể trước kia, thì chúng ta liền thấy luân lý Âu Mỹ chú trọng công đức nhiều hơn tư đức, còn trái lại, luân lý của ta thì chú trọng tư đức nhiều hơn công đức.

Luân lý của chúng ta chuyên dạy tu tâm dưỡng tánh, và dạy phận sự của một người đối với một người, duy có khoản bằng hữu trong ngũ thường, khoản thân dân trong tam cương lãnh, và khoản trị quốc với bình thiên hạ trong bát điều mục, mới can hệ đến nhiều người mà thôi.

Còn luân-lý của Âu Mỹ thì chú trọng về phận sự của mỗi người đối với các đoàn thể là : gia-tộc, xã-hội và quốc-gia.

Người ta chuyên đào tạo công-dân cho có hoàn toàn công đức để giúp cho nước phú cường ; còn mình chuyên dạy cho mỗi người có đủ tư cách để làm vua, làm tôi, làm cha, làm

con, làm chồng, làm vợ, làm anh, làm em, làm bằng hữu mà thôi, chớ không dạy đạo làm người đối với xã hội, đạo làm công dân đối với quốc-gia, thế thì có ai biết công lợi, công ích là gì, có ai biết nghĩa vụ đối với đoàn thể là gì, mà tài bồi xã hội, nâng đỡ quốc-gia, để làm cho xã-hội vẻ vang, cho quốc-gia cường thịnh.

Hiện thời, vì cơ bản hóa mà con người không thể sống riêng một mình được, phải nương đoàn thể mới bảo tồn sanh mạng, mới được no ấm hàng ngày, mới được an vui với đời sống. Mà mình được chung hưởng công lao của đoàn thể, được chung hưởng lợi quyền của đoàn thể, vậy thì đối với đoàn thể mình ắt phải có nghĩa vụ, phải giúp đỡ đoàn thể, phải trả ơn cho đoàn thể mới phải.

Chúng tôi tưởng nếu bực trí thức Việt Nam mà muốn cho dân tộc ta được hùng cường như dân tộc khác, muốn cho nước nhà ta được phong phú bằng các nước khác, thì đều cần nhất là phải hiệp nhau mà cải lương nền luân lý quốc gia, cải lương cho thích hiệp với trình độ tiến hóa của quốc dân và với tâm chí cạnh tranh của thời đại. Có như vậy, chỉ có như vậy thì chúng ta mới có đủ nghị lực mà giúp Mầu-quốc trong đường phục hưng, và mới có đủ tư cách mà đứng đọat cùng thiên hạ.

Trong cuộc xây nền luân lý mới cho Việt-Nam, tự nhiên chúng ta phải gìn giữ lễ lối cổ hữu để làm nền tảng, mà chúng ta cũng phải nương theo thể thức luân lý của nước Pháp Mới. Điều khó nhất là sự dung hòa cũ với mới mà lập thành một cơ-sở luân lý đạo đức đặc biệt cho người Việt-Nam, cơ-sở ấy gồm vừa tư đức vừa công đức cho đầy đủ, để giúp cho dân-tộc tiến bộ dễ dàng, mau lẹ.

Rồi đây chúng tôi sẽ bàn luận lại vấn đề ấy cho rõ ràng, và có lẽ chúng tôi sẽ lập một bản đề nghị về « Việt Nam tân luân-ly » để trình bày cho chư thức giả định đạt.

## HỒ-VĂN TRUNG

*Tôi nhắc nhở sự khẩn-khì của Đông-Pháp xã-hội đã được kết-quả nhiều rồi, mà rồi đây còn sẽ phong-phủ hơn nữa, và xã-hội ấy sẽ bỏ dẹp hết những điều có thể làm suy nhược, rồi chăm lo phát-triển những điều có thể làm vững bền.*

**Thượng-tướng PÉTAIN**

## LUÂN-LÝ ĐẠO NHO (1)

# LUÂN-LÝ VÀ CHÁNH-TRỊ



Ở hai phương-thế cải cách xã-hội loài người : một là sửa đổi tâm hồn con người, hai là sửa đổi hoàn cảnh xã hội. Sự biến đổi trong tâm hồn con người gây ra sự biến đổi trong hoàn cảnh xã hội và ngược lại cũng thế. Muốn sửa đổi một xã hội suy-đổi, phải cải-cách thường chọn một trong hai phương-thế

đó. Nhất là phương thế thứ hai, nhà cải cách Âu tây thích dùng hơn. Duy có hạng đạo-học, thì hay dùng phương thế thứ nhất. Chính là cách của Khổng-tử.

Đạo Nho tuy bao gồm những vấn-đề thuộc về huyền học (métaphysique) nhưng kết cuộc vẫn thiết-thực và có thể ứng dụng trong vòng nhơn-sự. Nhà nho chọn chính là hạng người xuất tục chứ không phải xuất thế. Sự học của họ không khiến họ xa với xã hội như cái học của đạo Lão, đạo Phật. Bao giờ họ cũng hoài bão hi-vọng đem sở học ra giúp đời, tạo nên cõi đời thái bình thịnh-vượng. Họ vẫn muốn tham dự vào chánh-trị. Nên Khổng-tử nói :

« Chánh trị là việc lớn trong đạo người. » (Nhơn đạo, chánh vi đại. Lễ-ký) Lời nói này không phải biểu lộ tấm lòng ham danh chuộng lợi, mà bày tỏ chí nguyện của hạng người có tài đức muốn đem tài đức ấy phụng sự nhơn quần.

Vì vậy, Khổng-Tử có một quan niệm rõ rệt về chánh trị. Ngài vẽ ra một phương pháp hành chánh gồm hai điều cốt yếu là chánh danh và tòn quân.

Về thuyết « Chánh danh » của Ngài, ông Phan Khôi có nói rõ trong Phụ-nữ Tân-văn :

« Hai chữ « chánh danh » xuất từ sách Luận-ngữ, thiên Tử-Lộ là thiên thứ XIV trong sách ấy, dịch ra đây cả một chương như vậy :

« Tử-Lộ hỏi : Vua nước Vệ, nếu dùng Thầy làm việc chánh, thì Thầy sẽ làm điều gì trước ?

« Ngài đáp rằng : Ấu là ta phải chánh danh ư ?

(1) Đọc « Đại-Việt » từ số 1.

« — Tữ-Lộ nói : Có lẽ ấy à ? Thầy hu-hoạt (vu-khoát) làm sao ! Chánh gì mà chánh ?

« — Ngồi nói : Người Do mới quê mùa thay !

« Người quán tữ với điều mà mình chẳng biết, thà chịu để thiếu đó.

« Danh chẳng chánh thì lời nói chẳng thuận ; lời nói chẳng thuận thì việc làm chẳng nên ; việc làm chẳng nên thì lễ nhạc chẳng dấy ; lễ nhạc chẳng dấy thì hình phạt chẳng nhằm ; hình phạt chẳng nhằm thì dân không chỗ đặt tay chân.

« Cho nên, người quán tữ kêu tên điều gì, chắc có thể nói ra được ; nói ra điều gì, chắc có thể làm được. Người quán-tữ đối với lời nói của mình, không có chỗ cầu thả mà thôi »...

« Chánh danh, nói theo tiếng ta, tức là kêu tên cho đúng, mới nghe như là không trọng-yếu mấy, bởi vậy Tữ Lộ mới dám vọt miệng chê Ngài là hu-hoạt. Nhưng xét ra, trong sự học vấn, trong sự chánh-trị, mà cho trọng sự gì cũng vậy, kêu tên cho đúng là sự trọng-yếu lắm, chớ nên dễ-dưng.

...Hai cái nguyên-tố của Luận-Áy-học là khái-niệm (concept) và danh-từ (terme). Khái-niệm là sự mình suy-nghĩ trong lòng ; danh-từ là lời mình nói ra nơi miệng. Tiếng rằng hai cái, song thiết thì có một. Vì cái lời mình nói ra đó tức là cái điều mình suy nghĩ. Cho nên, hề nghĩ sai, tự nhiên nói ra cũng sai ; và hề thấy lời nói ra mà sai, khắc biết rằng sự suy-nghĩ cũng không đúng vậy.

Chữ « Danh » trong chữ « Chánh danh » cũ : Khổng-Tử đây, tức là cái danh-từ trong Luận-Áy-học ; và chữ « Danh » trong chữ « Danh học » cũng tức là một chữ « Danh » ấy.

Trong Luận-ngữ, có một chỗ, Khổng-tử than phiền về sự danh bất-chánh trong thời đại ngài. Nguyên đời xưa, có cái đồ đựng rượu, hình nó có khía, nên kêu bằng cái « cô ». Cô nghĩa là « khía ». Nhưng hồi ngài đó thì cái đồ đựng rượu được ba thặng, bất luận có khía không khía, người ta đều kêu bằng cái « cô » cả. Bởi vậy ngài mới than rằng :

« Cái cô mà chẳng có khía cũng kêu bằng cô được ư ! cũng kêu bằng cô được ư ! » (Ung-dã, thiên thứ VI trong Luận-ngữ).

Đò, không có khía mà kêu bằng cô, ấy là kêu tên không đúng. Vậy mà người ta kêu được, là kêu liêu, kêu linh đó thôi, chớ theo ngài thì nghe trái tai lắm, thật là lời nói không thuận.

Lại một chỗ nữa, cũng thuộc về phương-diện chánh trị, song

có thể đem mà chứng minh cho cái nghĩa trên kia. Ấy là chỗ Quý Khương-tử hỏi việc chánh mà ngài thưa rằng :

« Cái điều kêu bằng chánh tức là chánh vậy ; ông lấy chánh mà xưng-xuất, thì ai lại dám chẳng chánh ư ? (Nhan Uyên, XII)

Nguyên chữ chánh (nghĩa là chánh-trị) có chữ « chánh » một bên (nghĩa là ngay). Cho nên ngài cắt nghĩa chánh-trị tức là người trên phải ăn ở cho ngay thẳng để mà xưng-xuất kẻ dưới. Đó là một cách chánh danh nữa : cái tên chánh-trị là do từ sự chánh trực mà ra.

Vậy nếu trong việc chánh-trị mà không theo lẽ chánh-trực, tức như khi trong một nước, trên có vua dân, dưới có quan tham lại những, mọi việc đều làm bậy bạ hết, thì có gọi là chánh trị được đâu. Nếu gọi là chánh trị thì cũng như cái không có khía mà gọi là cái có, theo ngài, ngài cho là tầm bậy cũ. Hoa hoạn sanh ra là ở đó, cho nên nói rằng dân không có chỗ đặt tay chun... » (Phụ-nữ Tân-văn số 57).

Ở đoạn văn ấy, ông Phan-Khôi có cái sáng-kiến là mượn khoa Luân-lý-học giải rõ thuyết chánh danh khiến cho ta dễ thấy sự quan-trọng của nó và hiểu cái lẽ tại sao Khổng-Tử chú-ý ứng-dụng nó trong việc chánh-trị. Một thi sĩ Pháp có nói câu : « *Đều gì người ta hiểu rành thì phát biểu rõ ràng* » (Ce que l'on conçoit bien s'énonce clairement-Boileau). Về mặt học-vấn, khi người ta không hiểu một điều gì mà lại phải nói đến nó, lời lẽ ắt lù mù, rối rắm. Trong chánh-giới cũng thế : nếu một nhà chánh-trị phát biểu ý kiến của mình một cách lộn xộn, gượng gạo, lập luận không vững vàng cứng cáp, tất nhiên người ta phải bảo rằng đó là một kẻ bất tài, không hiểu rõ công việc mình làm, hoặc là một kẻ giả dối, cố mượn những lời miên cưỡng để che đậy hành vi bất chánh của mình. Hoặc là bất tài, hoặc là giả dối, nhà chánh trị ấy không xứng đáng với địa vị, cũng không xứng đáng với lòng tin nhiệm của quần chúng. Vậy khi người nào, bất cứ trong việc gì, chánh được danh, há chẳng phải là bậc tài cán đủ sức đương nổi trách nhiệm và là kẻ làm việc ngay thẳng hay sao ?

Cho nên danh đã chánh tất nhiên việc nào ra việc ấy, người nào ra người ấy, kẻ gian không làm mặt ngay, kẻ dỏ không ngồi vị cao, phận sự ai nấy phân minh và thích đáng, như thế trật tự trong xã hội đã có rồi vậy. Khổng-Tử sở dĩ cho rằng chánh danh là việc đầu tiên của Ngài trong khi lên nắm chánh quyền, lời nói ấy tỏ ra thành thật và xác đáng lắm.

Về sự tôn-quân, Ngài có một quan niệm riêng biệt. Người

đời nay không thể trách Ngài sao không nghĩ ra một chánh thể nào khác với chánh thể quân-chủ. Ở trong thời đại của ngài, chánh-thể quân-chủ là chánh-thể độc nhất thích hợp với tình trạng của một xã-hội vừa ra khỏi chế độ tù trưởng.

Điều mà ta nên đề ý là cái nghĩa tôn quân của ngài. Ông vua đối với ngài là cái biểu hiệu để tụ-tập tinh-thần, lực lượng của một nước. Bất kỳ ở nước nào, trong thời đại nào, bộ máy cai trị vẫn cần có một người làm chủ tể, người ấy hoặc gọi là Vua, là Tổng-thống, là Giám-quốc cũng không quan hệ gì. Miễn là người ấy phải xứng với địa vị và trách nhiệm mình. Lên ngôi trên chiếc ngai vàng, nhiều bậc vua chúa trong nhơn loại cổ kim tự thấy mình đã bước lên tới bậc giàu sang, coi cửa thiên hạ như cửa mình, tha hồ thỏa mãn các mối tư-dục, tận hưởng các cuộc khoái lạc, nhất là những khoái lạc về vật chất. Hạng vua chúa ấy không thể có được trong lý tưởng của Khổng-tử.

Một ông vua xứng đáng là một bậc quân tử, có đạo đức khiến dân kính phục, có tài cán coi sóc vận mạng một nước, tự nhận lãnh trọng trách che chở, chăn nuôi dân ngu như một người cha hiền chăm lo bảo bọc, dạy dỗ dân con dại. Hạnh phúc của dân là của vua. Quyền lợi của dân không trái với của vua. Nếu một ông vua làm tròn nhiệm vụ ấy, tất nhiên toàn thể dân chúng sẽ kính mến phục tùng. Và đối với ngài, ai không muốn đem hết lòng trung mà phụng sự ?

Nhưng đến khi gặp một ông vua bất nhơn thì sao ? Thì dân sẽ có quyền phản đối, một bậc hiền tài khác sẽ «điều dân phạt tội» như vua Võ-Vương nhà Châu đã đem quân đánh đuổi một kẻ bạo ngược là vua Trụ vậy.

Cho nên mặc dầu vẫn khuyên người ta sự trung quân, Khổng-tử suốt đời không phụng sự một ông vua nào được lâu, chỉ vì những bậc vua chúa muốn dùng ngài đều là những kẻ không xứng đáng. Xem đấy, ta hiểu rằng Khổng-tử chủ trương sự tôn quân là vì cái lẽ tất nhiên một nước phải có một người cầm đầu, như cây có cội, nước có nguồn, chứ không phải là sự tôn trọng mù quáng. Ngài tuy nói làm tôi phải trung, nhưng vẫn có nói làm vua phải nhơn (Quân nhơn, thần trung). Vua có nhơn, tôi mới hết lòng phục sự, vì phục sự vua không phải là lo cho ông ấy được giàu có bốn biển, châu báu đầy kho, gái đẹp đầy cung, mà chính là giúp ngài trong việc trị nước, đem nhơn chánh của ngài ra ban bố trong dân chúng, khiến cho

dân được an cư lạc nghiệp. Ngôi vua không phải là một sở lợi mà là một trọng trách.

Vì coi nó ra một sở lợi, nên biết bao kẻ đã gây nên cảnh tượng núi xương sông huyết để chiếm cho kỳ được. Mà cũng vì coi nó ra một trọng trách nên Sào-Phủ, Hứa-Do phải lảng tránh đi, khi có người muốn truyền ngò cho. Đến những bậc hiền đức như Nghiêu, Thuấn, sở dĩ bằng lòng lãnh trọng trách ấy, chỉ vì họ có tấm lòng tự tin tự trọng chánh đáng, tin rằng mình thấy xa hiền rộng hơn người, vậy mình phải nhận lãnh phận sự là chỗ che, diu dắt người. Đó là tấm lòng tự tin, tự trọng chung của hạng hào-kiết giàu lòng nhân ái, khiến họ luôn luôn lấy việc đời làm việc mình và tìm hạnh-phúc mình trong hạnh phúc của kẻ khác.

Xét rõ quan niệm như thế của K ông-Tử về chánh trị, ta thấy rằng việc chánh trị, đối với ngài, cũng thuộc về luân lý. Trong luân lý đạo Nho chữ nhân là nền. Ông vua lý-tướng của đạo Nho phải là bậc nhơn quân, chánh-trị lý tưởng của đạo Nho, nhơn-chánh. Ông vua dầu ở ngôi tôn, vẫn phải lấy sự sửa mình làm gốc. (Tự thiên-tử dĩ chi ư thứ nhơn, nhứt thị giai dĩ tu thân vi bôn-Đại Học).

Đã sửa mình tất theo đạo, đã theo đạo, tất mọi hành vi của mình đều phải hợp đạo lý. Trong xã hội lý tưởng của Nho-giáo, không thể có một hạng chánh khách sống vượt ra ngoài vòng đạo lý, mặc sức làm mưa làm gió, kết cuộc gây ra sự tai hại chung cho quốc gia.

Trong xã hội ấy, hạng chánh khách, kể từ vua tới quan, đều là bậc thượng lưu quân tử, rất xứng đáng với địa vị và phận sự của họ. Như vậy, mặc dầu là chánh thể gì, việc cai trị vẫn có kết quả và ảnh hưởng tốt đẹp.

TRÚC-HÀ



# BÀO-ĐÌNH-HÀ

(Arroyo de la Poste)

Đến Sở-Thủ, đứng trên cây cầu tốt đẹp bắc ngang con sông nhỏ, mắt thấy ghe nhỏ thuyền to ra vòm hay từ sông Bến-Nghé đi vào, tai nghe tiếng gõ tiếng đóng liên miên chẳng dứt từ sở Ba-son đưa lại, các bạn sẽ bảo nhau : « À, đây là Arroyo de l'Avalanche !... Arroyo de l'Avalanche đẹp chớ ! ».

Mà sao lại gọi là « Avalanche »? — Ấy bởi khi xưa, chiến thuyền của người Pháp là chiếc *Avalanche* đến đậu tại đây trước hết.

Một khi các bạn muốn nhắc cái tên Việt-Nam của nó thì các bạn sẽ nói : « Đây là sông Thị Nghè. »

Mà sao lại gọi là « Thị Nghè » ? Thật tôi không rõ, vì đáng lý phải gọi là « Sông Bà Nghè ». Tên chữ của nó là *Bình trị giang* vì nó chảy ngang địa phận tổng Bình trị Saigon ngày nay). Kêu là sông Bà Nghè vì trên sông này có cầu Bà Nghè. Kêu là Cầu Bà Nghè vì bên kia sông, hồi đầu thế kỷ thứ 18, có ngôi nhà của một bà Nghè.

Bà tên là Nguyễn thị Khánh, có chồng làm chức Thư ký ở P. an trấn dinh (Saigon) nên người ta quen gọi bà là Bà Nghè (1) chớ không dám gọi tên.

Nghè là tước hàm của chồng bà, vậy kêu là Bà Nghè mới đúng, chớ có phải là tên Nghè đâu mà gọi Thị Nghè?

Càng không dám gọi đến tên tộc của bà vì bà là trưởng-nữ của một vị quan lớn mà người đương thời kiên oai mến đức : Khâm sai Chánh thống Văn trường hầu Nguyễn-cửu-Vân.

Văn trường hầu là người đã góp một phần công to trong việc mở mang xứ Nam kỳ ta. Công to này đã được chúa Nguyễn thấy rõ nên sau khi Văn qua đời thì có châu-phê ban cấp tự điền ở một vùng tại tả ngạn Vàm cổ-tây (Vasco Occidental), ngang tỉnh lý Tân-an, chỗ mà Văn trường hầu có công khai khẩn. Ruộng này vì vậy mà gọi là ruộng Châu-phê và ngọn rạch chảy ngang qua đó cũng gọi là rạch Châu-phê.

Tôi phải nhắc dài dòng thế này là vì Bà Nghè là con Nguyễn-cửu-Vân mà Văn là người có dính liú với Bão định hà, cái tên mà ta gần quên mất đi rồi để quen gọi : Arroyo de la Poste.

(1) Về nghĩa chữ « Nghè », xin xem tạp-chí Tri-Tân số 72, trang 12.

Thuở xưa, về phía trên, rạch Vững-gù (Tân-an) chảy từ Vàm-cỏ tây tới quán của Thị-Cai (?) về phía dưới, rạch Mỹ-tho chảy từ Tiền-giang tới chợ Lương-phủ (nay ở Bến-tranh) còn đoạn giữa thì ruộng giồng liền tiếp với nhau.

Đến thời Hiếu-minh Hoàng-đế năm thứ 15 (Ất dậu, 1705) Nguyễn-cửu-Vân vào giúp Nặc ông Yêm công phá Tiêm binh. Dịch quân thường do vùng giồng cao ruộng thấp nầy đánh phía sau quân ta.

Vân bèn dạy đắp lũy dài từ quán Thị-Cai đến Bến-tranh và dạy đào hai bên rạch Vững-gù và Mytho cho nối liền nhau để ngoài lũy có hào sâu rộng.

Về sau, theo dòng nước nầy, người ta vét thành một con kinh. Nhưng vì đường nước đi xa lại phải qua nhiều khúc quanh co nên những chỗ hẹp thì bùn đọng cỏ mọc, lâu ngày nơi thì cạn lên, nơi thì nhỏ lại, thuyền bè khó qua lại được. Nhất là tại chỗ giáp nước là chợ Thang-trông ngày nay (thuộc làng Phú-kiết) nước chảy yếu quá nên càng cạn lắm, ghe đến đó phải cặm sào chờ nước lớn thật đầy mới qua được. Đó là chưa nói đến sự khó khăn hơn trong khi gặp nước ươn nước kém.

Đến ngày 28 tháng giêng năm Gia-long thứ 18 (Kỷ-mão, 1819), vua giáng chỉ dạy quan Trấn thủ tỉnh Định-tường (Mytho) là Bửu-thiện-hầu Nguyễn-văn-Phong bắt 9.679 tên dân trong trấn chia làm ba tốp, thay phiên nhau vét lại kinh nầy. Dân phu thì cấp cho mỗi người 1 quan tiền và một vuông gạo trong 1 tháng.

Bấy giờ Gia-định thành Phó tổng trấn là Huỳnh công Lý giám đốc việc đào kinh, bề gặp chỗ hẹp thì vét rộng ra, gặp chỗ cạn thì vét sâu xuống, gặp chỗ cong queo thì vét cho ngay.

Đến ngày mồng bốn tháng tư nhuận thì hoàn thành đoạn kinh mới từ chợ Thang-trông đến Hóc-dồng (?) (1), dài 14 dặm rưỡi (độ chín cây số ngàn), rộng 15 thước ta (độ 6 thước tây) và sâu chín thước ta (độ 3 thước rưỡi tây). Đào xong, Huỳnh-công-Lý cho khắc bia kỷ công dựng bên mé kinh, gần chợ Thang-trông, và chạy sớ về triều. Vua bèn đặt tên cho cả dòng nước từ Vàm cỏ tây tới Tiền-giang của trấn Định-tường là *Bảo-định-hà*.

LÊ-THỌ-XUÂN

(1) Cu Trương Vĩnh-Kỳ có chép một chỗ tên Giồng Hóc-đi, nhưng không nói rõ là ở đâu.

# VÀI ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ TRẺ EM TRONG THỜI - KỲ ĐƯƠNG LỚN



Nuôi trẻ em trong thời-kỳ đương lớn, ta cần phải biết vài điều về sự tiến hóa của thân hình. Từ thơ-ấu tới trưởng-thành, con người càng ngày càng lớn. Nhưng sức lớn đó không đều. Có tuổi trẻ em lớn mau, có tuổi lớn chậm. Trong bài này tôi gộp nhất những điều cần biết về sự thay đổi hình thức của con người, từ khi mới sanh cho tới 20 tuổi. Những con số tôi viết ra sau đây để làm căn bản cho sự kết-luận và cũng để dành cho độc-giã khi cần đến có thể lấy ra xem lại, khỏi mất thì giờ và mất công tìm kiếm.

Muốn cho trẻ em sau này có một thân hình tráng-khiêm, thì ta cần phải chăm nom chúng nó trong thời-kỳ đương lớn.

Ta cần phải biết chúng nó có được những điều kiện của tuổi chúng nó không? Nếu chúng nó kém trẻ nhỏ khác cùng tuổi, thì ta phải lo bổ cứu ngay, không nên để chậm trễ. Đến 20 tuổi thì sức lớn đã gần hết. Đợi tới lúc ấy mới lo thì muộn quá!

Độc-giã sẽ thấy rằng sức lớn của con người có hai thời-kỳ rất quan hệ và tương-lai của thân hình sẽ tốt hay xấu là phần nhiều do hai thời-kỳ ấy.

Tôi xin lấy căn bản trung bình như vậy :

Đờn ông : cao 1m,65, nặng 62 kilos.

Đờn bà : cao 1m,55, nặng 50 kilos.

Lẽ dĩ nhiên là trung bình này hơn trung bình hiện tại của người Annam, nhưng còn kém trung bình của người Âu, Mỹ. Tôi ước a) chừng 20 năm hoặc 40 năm nữa (nghĩa là đến đời trưởng thành của con hay là cháu chúng ta) thì cái trung bình ước ao này sẽ thành sự thật. Muốn được như vậy, thì bắt đầu từ bây giờ chúng ta phải rán cho trẻ em được những điều kiện như sau này :

## NẶNG CÂN

1.) Khi mới sanh cho tới 2 tuổi

— Mới sanh : 3 ki-lô. Đó là sự rất thường thấy, đối với trẻ con An-Nam.

— Ba ngày sau : 2,800. Nhẹ bớt lổm 200gr. Lẽ tự nhiên, trẻ con nào cũng vậy.

- Mười ngày sau : 3 ki-lô (nặng bằng khi mới sanh).
- Một tháng : 3 k.600
- Hai tháng : 4 k.200
- Ba tháng : 4 k.800
- Bốn tháng : 5 k.400
- Năm tháng : 6 ki-lô (nặng bằng 2 khi mới sanh)
- Sáu tháng : 6 k.600
- Bảy tháng : 7 k.100
- Tám tháng : 7 k.600
- Chín tháng : 8 k.100
- Mười tháng : 8 k.500
- Mười một tháng : 8 k.800
- Một năm : 9 ki-lô (nặng bằng 3 khi mới sanh).
- Hai năm : 11 k.500

Độc giả thấy rằng trong năm thứ nhất, trẻ con lớn mau quá (từ 3 ki-lô lên tới 9 ki-lô). Lớn bằng ba lần khi mới sanh.

Đến năm thứ nhì, lớn từ 9 ki-lô tới 11 k.500 (thêm có 2 k.500). Vậy thì thời kỳ 12 tháng đầu quan hệ lắm và có ảnh hưởng cho tương lai rất nhiều. Người ta thường nói : « Khởi sự tốt cũng bằng làm gần xong ». Quả thật như vậy, đứa trẻ 1 tuổi (xin hiểu là : đúng 12 tháng) mà được đúng cân của tuổi nó thì càng lớn lên nó càng dễ nuôi. Tuy vậy, người có phận sự nuôi nó chớ nên xao lãng.

### 2.) Từ 3 tuổi tới 10 tuổi

- |                      |  |              |
|----------------------|--|--------------|
| — 3 tuổi : 12 k.600  |  | mỗi năm lên  |
| — 4 tuổi : 13 k.800  |  | lỗi 1 ki-lô. |
| — 5 tuổi : 15 k.500  |  | mỗi năm lên  |
| — 6 tuổi : 16 k.900  |  | lỗi 1 k.500. |
| — 7 tuổi : 18 k.500  |  |              |
| — 8 tuổi : 20 k.500  |  | mỗi năm lên  |
| — 9 tuổi : 22 k.800  |  | lỗi 2 ki-lô. |
| — 10 tuổi : 25 ki-lô |  |              |

### 3.) Từ 11 tuổi tới 20 tuổi

Kể từ 10 tuổi sắp lên, phải phân biệt 2 phái : nam và nữ. Sự chênh lệch giữa 2 phái đã thấy rõ rệt.

Con gái :

- |                      |  |                  |
|----------------------|--|------------------|
| — 11 tuổi : 29 k.900 |  |                  |
| — 12 tuổi : 31 ki lô |  |                  |
| — 13 tuổi : 37 ki lô |  | mỗi năm lên      |
| — 14 tuổi : 40 k.800 |  | từ 3 tới 4 ki-lô |
| — 15 tuổi : 43 k.900 |  |                  |

- 16 tuổi : 45 k.400
- 17 tuổi : 48 k.
- 18 tuổi : 49 k.
- 19 tuổi : 49 k.600
- 20 tuổi : 50 k.500

mỗi năm lên  
từ 1 tới 2 ki-lô

*Con trai :*

- 11 tuổi : 27 k.400
- 12 tuổi : 29 k.400
- 13 tuổi : 34 k.600
- 14 tuổi : 40 k.200
- 15 tuổi : 44 k.900
- 16 tuổi : 51 k.
- 17 tuổi : 54 k.300
- 18 tuổi : 58 k.800
- 19 tuổi : 61 k.500
- 20 tuổi : 62 k.200

mỗi năm lên  
từ 5 tới 6 ki-lô

mỗi năm lên  
từ 3 k tới 4 k.500

Theo hai bản thống kê trên đây, độc giả thấy rằng :

1. Con gái 11, 12, 13, 14 tuổi, có phần lớn hơn con trai cùng tuổi.

2. Đến 15 tuổi thì con trai và con gái gần bằng nhau.

3. Con trai lớn rất mau trong khoản 13 tới 16 tuổi (mỗi năm lên được từ 5 tới 6 ki-lô).

4. Kể mấy năm sau, con trai cũng còn thêm cân khá nhiều (từ 3k tới 4k,500 một năm). Trái lại, con gái lên cân rất chậm (từ 1k. tới 2k,500 một năm).

*Kết luận :* Thời-kỳ 11 tới 15 tuổi rất quan hệ cho tương-lai của thân hình. Trong thời-kỳ ấy, trẻ em phải được tâm bõ cho nhiều, để có đủ chất lớn.

Khi ta thấy trẻ em xanh xao, lười biếng, ít ăn và ít chạy giỡn nô đùa, thì phải lo thuốc men lập tức. Cũng đừng ép chúng nó học quá độ, ngày đêm cứ cặm cụi theo đèn sách. Học như vậy không có kết-quả tốt bao nhiêu, vì chúng nó có thể giỏi hơn bạn tác trong một khoản thời gian rất ngắn, rồi sau lần lần tuột xuống để nhường chỗ cho những bạn cùng có bằng các điều kiện trí thức mà được khoẻ mạnh hơn.

## BỀ CAO

1. Mới sanh tới 2 tuổi

Mới sanh : dài được từ 48 cm tới 50 cm.

Tháng đầu : thêm được 4 cm.

Tháng thứ 2 và thứ 3 : thêm được 3 cm mỗi tháng.  
 Tháng thứ 4 và thứ 5 : thêm được 2 cm mỗi tháng.  
 Từ tháng thứ sáu tới 2 năm : thêm 1 cm mỗi tháng.  
 Đến 2 năm, thì đứa nhỏ cao được lổ 80 cm.

2. Từ 3 tuổi tới 10 tuổi

Mỗi năm cao thêm lổ 6 cm. Con gái eo hơi kém một chút (mỗi năm cao thêm lổ 5 cm).

Đo là tính theo trung bình, chớ kỳ thật sự cao thấp có khi rời sụt không chừng.

3. Từ 11 tới 20 tuổi

| TUỔI | CON TRAI | CON GÁI  |
|------|----------|----------|
| 11   | 134 cm   | 134 cm   |
| 12   | 138 cm   | 141 cm   |
| 13   | 144 cm   | 145 cm   |
| 14   | 150 cm   | 149 cm   |
| 15   | 156 cm   | 151 cm   |
| 16   | 161 cm   | 152 cm   |
| 17   | 162 cm   | 153 cm   |
| 18   | 163 cm   | 154 cm   |
| 19   | 164 cm   | 154 cm 5 |
| 20   | 156 cm   | 155 cm   |

**Kết luận :** Về bề cao thì thời kỳ hai năm đầu rất quan hệ, từ 48 cm lên tới 80 cm (thêm 32 cm trong 24 tháng đầu).

Phần nhiều, con gái và con trai cao bằng nhau cho tới 10 tuổi. Từ 10 đến 12 tuổi, con gái có phần cao hơn con trai. Nhưng đến 14 tuổi sắp lên thì con trai lớn rất mau và cao hơn con gái.

Tuy vậy, có khi người ta thấy con trai từ 12 tới 16 tuổi, con gái từ 9 tới 12 tuổi cao rất chóng.

**BỘ NGỰC**

Người ta đo bộ ngực như vậy : lấy một sợi dây hay là một cái thước tây làm bằng cao-su hoặc bằng vải, đo phía dưới vú, lấy trung bình khi thở ra và thở vào hết sức.

— Mới sanh : vòng quanh bộ ngực được 35 cm.

— Một tuổi : 47 cm.

— Từ 2 tuổi tới 10 tuổi, mỗi năm thêm từ 1 cm tới 2 cm.

**Nên để ý nhưt :** 13 tới 16 tuổi, mỗi năm thêm từ 5 cm tới 6 cm. Nếu trong thời kỳ này tập thể thao và tập thở cho đúng phương-pháp thì mỗi năm có thể thêm được từ 10 cm tới 12 cm.

Từ 17 đến 20 tuổi : mỗi năm thêm từ 1 tới 2 cm.

Đúng 20 tuổi : một người trung-bình có bộ ngực 83cm (vòng quanh). Đón ông từ 20 tới 25 tuổi, có thể nhờ tập-luyện mà bộ-ngực thêm được từ 5 tới 7 cm nữa. Quá 25 tuổi sự thêm lên rất khó và hầu như không còn được nữa.

Vậy thì trẻ em từ 13 tới 16 tuổi cần phải tập thể cho đúng phương pháp mới có bộ ngực tốt.

Bộ ngực nữ-nang là phần nhiều biểu hiệu của sức khỏe và tráng kiện.

### CON SỐ PIGNET

(hay là con số đo sức mạnh)

Con số này để tỏ sức-mạnh của phần đông người ta thì cũng gần đúng, nhưng phải trừ những người lùn quá và những người mập mạp có bụng lớn.

Nên dùng con số Pignet để đo sự tấn bộ của những người tập thể thao (kể từ 13 tuổi sắp lên).

Muốn có con số Pignet thì lấy con số của cân nặng (bằng kilô) cộng với con số vòng quanh ngực (bằng centimètres), rồi đem số cộng được đó trừ cho con số bề-cao (bằng centimètres).

Tóm lại :

Số Pignet = bề cao — (cân nặng + vòng quanh ngực). Ví dụ : một người cao 1 m.65, nặng 62 kilô, vòng quanh ngực 83cm.

Thì con số Pignet là :

$$165 - (62 + 83) = 20.$$

Con số Pignet càng nhỏ, người càng mạnh (phải trừ mấy người lùn và mập mạp nói trên đây). Con số Pignet càng lớn người càng yếu.

Trẻ em 13-14 tuổi, có con số Pignet lối 40, 45. Lăn lăn, con số ấy bớt xuống cho tới số 20 khi được 20 tuổi.

Docleur GIU (Dalat)

---

## Cải chánh

Ở bài « Một vấn-đề, ba giải-quyết » đăng trong Đại-Việt số 8, có một chỗ thiếu sót, chắc độc-giả đã nhận thấy và sửa lại. Tuy vậy, chúng tôi cũng xin lỗi và sửa lại như sau : (trương 1, hàng 20). Họ nói Lão-tử là đại-biểu của hạng quý tộc cũ, Khổng-tử, đại-biểu của hạng sĩ-phiệt và tân địa-chủ, Mặc-tử, đại-biểu của phái nông-công.

*Lược khảo về chế-độ cai-trị người*  
**MINH-HƯƠNG**  
**Ở NAM-KỲ**

(Tiếp theo)

**II. — THỜI KỲ CẬN ĐẠI**



ĐẾN khi người Pháp sang, chế độ cai trị người Minh-hương không có thay đổi ngay buổi ban đầu và về mặt hình thức cũng như về việc cai trị, họ được xem như người Tàu.

Được đối đãi như người Tàu, tức là người ngoại quốc, khác hơn dân bản xứ là hạng người bị chinh phục, người Minh-hương với danh thức lòng tự phụ, óc tự tôn của họ, và nhận thấy sự phân biệt giữa họ và người Việt Nam.

Sự phân biệt đó được xóa nhòa từ trước, nay trở lại rõ rệt và từ đây người Minh-hương thành ra một giai cấp riêng và việc cai trị họ mới trở nên một vấn đề quan trọng.

Năm 1863, lần đầu tiên hai chữ «Minh-hương» được dùng trong nghị định đề ngày 1er Novembre của quan thủy sư đô-đốc De La Grandière là để đặt món thuế thân riêng cho hạng người lai ấy.

Nhưng hai năm sau, khi tổ-chức châu thành Chợ-lớn, quan thủy-sư đô-đốc Roze lại liệt người Minh-hương vào hạng người ngoại-quốc Á-châu. Bởi thế nên trong nghị định đề ngày 1er Octobre 1865 đặt cử hội-viên hội-dồng thành-phố Chợ-lớn có năm người Minh-hương được đứng tên chung với năm người Việt-Nam và mười lăm người Tàu.

Tháng février năm 1867, quan đầu phòng dinh Hiệp-lý (Directeur de l'Intérieur, nay là Directeur des Bureaux du Gouvernement et des Provinces de la Cochinchine) chia người Minh-hương ra làm hai hạng :

Hạng giàu, có điền-sản thì được đối-dãi như người Việt-Nam. Còn ngoài ra đều phải đứng riêng một bộ như người Tàu.

Hạng trưởng-giã được xem như người Việt-Nam nên năm 1868 có ba người Minh-hương là Ngô-như Nuyễn, Trương-chí-Hùng và Huỳnh-thoại-Yến được cử vào ủy-ban thẩm-xét các án-tòa xử người bản-quốc.

Theo đó ta thấy rằng việc cai trị người Minh - hương ở Nam-kỳ lúc bấy giờ chưa được nhứt trí. Mãi đến năm 1869, sau khi được đa số hội - đồng hương - thôn (assemblée des villages) (1) chấp thuận, quan thủy - sư đô-đốc Ohier ký nghị định ngày 7 Déc. sáp nhập người Minh - hương với người Việt-Nam về mọi phương diện ; cai-trị, hành-chánh, cảnh-sát, thuế-vụ, vân vân. . .

Ng nghị-định ấy ban hành rồi thì cùng khắp các tỉnh Namkỳ đều có người Minh-hương đệ đơn kêu nài. Họ viện lẽ rằng họ là dòng dõi người Tàu và từ đời các chúa Nguyễn họ đã được biệt đãi như người Tàu.

Nay bị sáp nhập với người Việt-Nam, họ cho là một cái nhục lớn. Nhứt là người Minh-hương ở ba tỉnh phía Tây, họ vịn vào lời công bố của quan Thủy-sư đô-đốc De la Grandière khi ngài đến chiếm ba tỉnh ấy (1867) là « *giữ nguyên vẹn chánh thể, phong tục của người Minh hương dưới sự hảo vệ của nhà cầm quyền Pháp* ».

Ngoài ra có một phái Minh-hương đã dùng đến sự bạo động dặng yểm bách chánh-phủ trả lại cho họ những đặc ân xưa.

Như Lê-trình-Tường ở Sadec Longxuyên đã làm cho chánh-phủ phải thất công đánh dẹp.

Tuy nhiên chánh phủ cũng nhận thấy rằng sự thay đổi về chế độ cai trị người Minh-hương có phần đột ngột, và ở những tỉnh mà số người Minh-hương rất ít thì sự thay đổi ấy không có kết quả tốt. Bởi thế quan Thủy-sư đô-đốc De Cornulier-Lucinière có ký nghị định ngày 30 Avril 1870 cho phép người Minh-hương ở ba tỉnh Vĩnhlong, Châu-đốc và Hàtiên giữ nguyên vẹn chế độ cũ và được lập ra xã Minh-hương.

Nhưng đó chỉ là một phương-pháp tạm thời, vì người Minh-hương ở ba tỉnh ấy tuy tránh khỏi công-sưu, lệ làng và di lính, mà phải chịu thuế nặng hơn người Tàu và người Việt Nam. Ngoài ra Chánh-phủ vẫn để cho họ được tự do chọn lựa, muốn theo người Minh-hương hay theo người Việt-Nam tùy ý.

(1) Chúng tôi sẽ có bài khảo-cứu về « Hội đồng hương thôn », một sáng kiến tân kỳ hữu ích của nhà cầm quyền Pháp khi bắt đầu cai trị xứ Namkỳ.

Đó là một mảnh khoe rất khôn khéo về việc cai trị, để gián tiếp buộc người Minh-hương tự họ xin sáp nhập với người Việt-Nam, nếu họ sợ thuế cao.

Nhưng, như trong một đoạn trên đã nói, có hạng người Minh-hương trưởng giả rất tự phụ về chút máu « Tàu » của họ và có óc phân chia giai cấp, nên thà là chịu thuế cao chớ họ không về phe với người Việt-Nam.

Cũng do cái óc đó nên người Minh-hương ở Gò-công, Rạch giá, Cà-mau xin trở lại chế độ cai trị xưa.

Những đơn kêu nài ấy và những tờ plúc-bầm của các quan đầu tỉnh nói về các việc rắc-rối do người Minh-hương gây ra trong làng xã Việt-Nam làm cho chánh phủ thấy rõ sự thất-sách của đạo nghị-định 30 Avril 1870. Đã vậy đạo nghị-định ấy còn làm cho việc cai trị người Minh-hương ở Namkỳ không được thống nhất.

Do những lý lẽ trên nên qua năm 1874, Chánh-phủ ban hành một đạo nghị-định mới đề ngày 31 Aout, thủ tiêu đạo nghị-định 30 Avril 1870 và hoàn toàn sáp nhập người Minh-hương với dân Việt-Nam theo qui tắc của đạo nghị-định củ 7 Décembre 1869. Từ đó những người Minh-hương không có dục bính đều nhứt-luật bị xem như người Việt-Nam.

Lẽ tự nhiên là đơn kêu nài tiếp nhau bay tới tay nhà cầm quyền như lá rụng mùa đông sớm.

Ở tỉnh Hà-tiên, người Minh-hương làng Lạc-hiệp kêu ca về chế độ mới cho đến nỗi bị quan Thủy-sur đô-đốc Lafont ký nghị-định ngày 27 Janvier 1879 bãi bỏ làng ấy, mặc dầu đó là một làng không có điền thổ gia cư, chỉ có cái tên trong tỉnh và dân đinh, toàn người Minh-hương, sống rải rác trong các làng Việt-nam lân cận.

Quyết liệt nhứt là người Minh-hương ở hai tỉnh Sóc-trăng và Bắc-liêu nơi mà người Tàu và người Minh-hương chiếm đa số ở châu thành và các chợ của thôn quê và đã gây ra được nhiều thế lực.

Muốn tránh khỏi bị sáp nhập với người bản xứ, họ dục bính như người Tàu và dưng tên trong bộ của các bang người Tàu.

Sự ấy rất có hại cho chánh-phủ về mặt chánh trị cũng như về phần cai trị.

Như trên đã nói, số người Tàu ở hai tỉnh Sóc-trăng, Bắc-liêu đã nhiều, nay còn thêm người Minh-hương vào, không khéo dân số của hai tỉnh ấy sẽ có một phần lớn là người Tàu,

Ta thử lấy con số ra làm bằng chứng. Lúc bấy giờ khắp xứ Namkỳ có độ 30.000 người Tàu cư trú. Trong số đó, hai tỉnh Sóc-trăng và Bắc-liêu đã chiếm hết một phần ba là 10.000 người. Bởi vậy thế lực của họ rất to và ảnh hưởng của họ trong dân chúng rất mạnh ; mạnh cho đến nỗi tiếng Tàu đã thành một thứ tiếng rất thông dụng ở hai nơi ấy và có nhiều người dân bà « Việt-Nam trăm phần trăm » một khi đã có chồng người Tàu chỉ nói tiếng Tàu quanh năm suốt tháng, cơ hồ quên mất tiếng Việt.

Về mặt cai trị, người Minh-hương nhận theo người Tàu đã làm cho số tráng đinh trong làng giảm bớt và trực tiếp số thuế cũng sụt nhiều vì người Minh-hương thành người Tàu chỉ phải trả có 25 quan thuế thay vì 27 quan là số thuế của người dân Việt-Nam. Đã vậy họ còn khỏi bị công sưu cùng chia xẻ các món chi-phí do tục lệ trong làng bày vẽ ra. Cai hại lớn nhất là họ trở nên ngạo nghễ, không nhìn nhận, phục tùng quyền hành của các chức việc trong làng.

Lấy công tâm mà xét thì việc dễ cho người Minh-hương theo chế độ cai trị của người Tàu là trái lẽ phải. Người Minh-hương có máu Việt-Nam trong cơ thể, sanh trưởng tại nước Việt-Nam, được nuôi dưỡng đến lớn khôn tại đất Việt-Nam và nhờ đất nước Việt-Nam mà trở nên giàu có thì không lý nào họ được biệt đãi hơn người Việt-Nam và được xem như người ngoại quốc.

Chẳng những là trái lẽ phải, có khi còn là bất công. Một bằng cớ của sự bất công đó đã hiện rõ trong việc đào con kinh Saintenoy ở tỉnh Sóc-trăng năm 1878. Khởi sự ngày 28 M-rs đến ngày 10 Mai là hoàn thành. Hơn một tháng, người Việt-Nam và người Cao-miên chịu trăm bề khổ cực—một phần vì gặp năm mất mùa, gạo kém giá cao—để đào cho xong con kinh ấy. Trong khi đó người Minh-hương đứng bộ theo người Tàu khỏi bị công sưu. Đã vậy mục đích chính của việc đào con kinh Saintenoy là mở đường vận tải lúa gạo của hai tỉnh Sóc-trăng và Bắc-liêu cho thuận tiện, mà người buôn bán và chở chuyên lúa gạo lại chỉ toàn là người Tàu và người Minh-hương.

Ngoài ra, sự sáp nhập người Minh-hương với dân Việt-Nam rất có lợi cho Chánh phủ. Không kể cái lợi nhỏ về sưu thuế, Chánh-phủ còn được tăng số dân đinh, và do đó các ngành kinh tế trong xứ sẽ được khai thác mở mang một cách dồi dào phong phú mà không sợ những tài sản bị lưu sang nước Tàu,

vì người Minh-hương khi đã thành dân bản xứ, bị cấm chưa  
trời cảng ở đất nước Namkỳ, không còn ý tưởng trở về Trung-  
quốc. Ngày qua ngày, thời gian sẽ xóa nhòa trong trí óc họ  
những cội rễ sâu xa và lần lần họ có cảm tình nồng hậu với  
non sông đất Việt đã thành tổ-quốc qui yêu của họ.

Những việc đã xảy ra và những lý lẽ kể trên làm cho  
Chánh-phủ phải để ý đến việc cai trị người Minh-hương một  
lần nữa.

Một ủy-ban gồm các ông d'Arfeuilles, Rheinart, de Cham-  
peaux được đặt cử ngày 24 Janvier 1879 để tìm phương pháp  
giải quyết vấn đề ấy.

Sau mấy tháng làm việc, ủy-ban đặt tờ trình xin thi hành  
triệt để đạo nghị định ngày 31 aout 1874, sáp nhập người  
Minh-hương với người Việt-Nam.

Từ đó người Minh-hương đành chịu sống theo người bản  
xứ, không kêu ca gì nữa.

Lần lần sự phân biệt giữa người Minh - hương và người  
Việt-Nam không còn rõ rệt như xưa. Có chăng trong vài gia  
đình trưởng giả người Tàu, nơi mà những người Minh-hương  
được nuôi dưỡng, dạy dỗ, học tập từ thuở bé theo khuôn phép  
của người Tàu và trở nên «Tàu» trăm phần trăm. Họ cũng cạo  
đầu dóc binh, phong khi lớn lên được dễ dàng sang Tàu. Có  
khi họ được gọi về Tàu học tập từ lúc còn nhỏ.

Chỉ có người Minh-hương nghèo là dễ sáp-nhập với người  
Việt Nam, do sự sống chật vật hằng ngày đã phân rã họ với  
hạng Minh hương giàu có mà trái lại làm cho họ được gần gũi  
hơn với người Việt Nam nghèo cực như họ. Bao giờ trong  
cảnh khổ người ta cũng mau hiểu biết nhau và thương yêu nhau.

Không còn hy vọng về Tàu, người Minh hương nghèo cam  
phận làm dân Việt Nam và một khi cưới vợ sanh con là họ  
hoàn toàn bị Việt-hóa. Vả lại sự thay đổi về đời sống của họ  
cũng không có gì là khó, vì tôn giáo và lễ nghi phong tục của  
hai giống Việt Hoa đều cùng một gốc mà ra.

Ít lâu, trong ban hội tề của làng xã Việt-Nam lần lần thấy  
có mặt người Minh-hương. Có nơi, như làng Vĩnh-hội thuộc tỉnh  
Bắcliêu, số đông hương chức trong làng là người Minh - hương  
lai Triều-châu.

Bởi vậy mỗi khi có cuộc hội hiệp bàn cãi, người ngoài  
chỉ nghe hương chức làng Vĩnh-hội nói rờn tiếng Triều-châu.

**KHUÔNG-VIỆT**

(Còn nữa)

# Z É N O N

**TIỂU - SỬ.**— Zénon sanh tại thành Citium, đảo Chypre, vào năm 340 trước Thiên chúa. Theo lời truyền thì cha Zénon là người buôn bán lớn, năng tới lui thành Athènes, cò đem về cho ông những sách vở của các triết-gia, nhưt là của Socrate. Đọc các sách ấy, ông nghe trong lòng nảy ra cái tánh ham học triết lý. Lớn lên, ông cũng đi buôn, nhưng một ngày kia, rủi bị chìm tàu, mất hết của cải, ông bèn bỏ nghề, để theo đuổi cái sở thích của mình. Hồi bấy giờ ông được 22 tuổi. Ông đến Athènes học với Cratès, nhưng không được thỏa mãn, nên lần lược sang học với Stilpon, Diodore, Xénocrate, Polémon v. v. . . , mãi như vậy trong hai mươi năm, cho đến ngày ông cũng mở trường dạy học (300 trước Thiên-chúa), chủ trương một học-phái mới kén bằng học phái khắc-kỷ (école stoïcienne). Ngoài 30 năm sau, khi già yếu, suy nhược quá, một cách bình tĩnh và vẫn hạp với tư tưởng mình, ông bèn tự tử (264 trước Thiên-chúa).

Sau khi Zénon đã từ trần thì đồ đệ là *Cléanthe* (331-232) trông nom trường. *Cléanthe* gốc gác ở Assos, xứ Troade, là một tay lực-sĩ. Sau một cuộc biến loạn, mới đến Athènes. Vì nghèo nên đêm đi gánh nước tưới vườn mướn, ngày lại đi học triết lý. Sau cũng cứ vẫn giữ nghề ấy, tỏ ra là một người có nghị lực và không ham nê phú quý. Hình như *Cléanthe* không có tư tưởng gì đặc biệt hơn Zénon.

Trái lại, người nối nghiệp *Cléanthe* là *Chrysippe* (282-209) gốc gác ở Soli xứ Cilicie được coi là người sáng lập thứ hai của học phái khắc kỷ. Người ta còn nghĩ rằng nếu không có ông thì chắc không có học phái ấy. Thiệt vậy, học thuyết khắc kỷ bị công kích tứ tung, nhưng nhờ một tay ông bình vục kịch liệt và rất khôn khéo nên mới được vững vàng. Những kẻ phản đối cũng phải phục tãi ông. Phần nhiều câu cách-ngôn của học phái khắc kỷ lưu truyền đến ngày nay đều là do ông nói ra cả.

Vì những lẽ trên đây nên khó mà phân biệt tư tưởng riêng của Zénon với của các môn-đệ.

**HỌC-THUYẾT** Học thuyết này, xét cho kỹ, có phần giống với **KHẮC-KỸ**.— của Epicure, nhất là về chỗ nó căn cứ trên thực nghiệm (*l'expérience*). Cũng như Socrate và Epicure, Zénon cho rằng triết học phải chân tuần trong nhân sinh mà thôi. Mục đích của tri thức là tìm đạo thánh hiền, cốt ở suy nghĩ đúng để hành động phải, nghĩa là cho hợp với cái lẽ của trời đất. Đạo ấy vừa là thiên đạo, vừa là nhân đạo, am hiểu việc trời và việc người (*a sagesse est la connaissance des choses divines et humaines*).

Triết học ví với một miếng vườn ; luận lý (*logique*) là hàng rào ; đất với cây là hình nhi hạ (*physique*), còn hoa quả là luân lý (*morale*). Do sự so sánh này ta thấy rằng luận lý có tánh cách bao bọc, che chở, ngăn đón ; còn hình nhi hạ có tính cách sanh sản (*fécond*) ; luận lý do đó mà ra, mà phát triển nghĩa là phần kết quả vậy.

**LUẬN-LÝ** (*logique*). — Zénon là người thứ nhất bày ra chữ luận lý. Điều cần biết trước nhất là lý thuyết về tri thức (*théorie de la connaissance*). Theo nhà khắc kỹ thì trí người ta, nguyên sơ là một tấm bảng, trên ấy chưa có viết gì hết. Những cảm giác (*impressions*) do ngoại vật đưa vào, in trên đó, thành hình ảnh, nhiều lần thành kinh nghiệm, khiến ta biết được ngoại giới và nội tâm.

Cái gì làm tiêu chuẩn (*critérium*) cho chân lý ? Như Epicure, nhà khắc-kỹ cũng lấy *cảm giác* ; nhưng có điều là cho rằng cảm giác trơn không đủ, phải có nghị lực, ý chí nữa mới được. Cảm giác đầy ý chí chừng nào thì cảm giác ấy gần sự thật chừng nấy. Nên chỉ ví cảm giác với bàn tay xòe ra, sự tin với bàn tay nắm hờ, sự hiểu với bàn tay nắm khít, sau hết tri thức với bàn tay nắm chắc trong lòng bàn tay khác.

**HÌNH NHI HẠ** (*physique*).— Học phái khắc kỹ cho rằng không cái gì có mà không có hình chất. Có mà không hình chất chỉ là sự tưởng tượng của trí nghĩ mà thôi, thí dụ như không gian, thời gian.

Trong trời đất, mọi vật đều là sự hòa hiệp tự nhiên, mật thiết của hai nguyên tố mà không thể tách nó ra được. Có được chẳng là do tưởng tượng mà thôi. Một nguyên tố thụ động, tức là vật chất ; một nguyên tố hoạt động, tức là động lực, luôn luôn biến chuyển mà vẫn tiềm tàng trong vật chất, tổ chức và chuyển động nó. Không có động lực nào mà không vật chất, cũng như không vật chất nào mà không có động lực.

Cái động lực (*force*) chung cho vũ trụ, thấm nhuần tất cả vật chất, chính là Trời vậy. Trời là hồn của vũ trụ, cũng như hồn của

người tiềm tàng trong cả cơ thể. Vũ trụ chẳng khác nào một sinh vật vô cùng mà hết thấy phần tử đều liên lạc dính dấp ăn chịu nhau.

Trời có, tất nhiên Trời có hình chất ; và không vì lẽ ấy mà Trời không toàn thiện, toàn-trí. Sự điều-hoà trong trời đất và ý thức của người ta làm bằng chứng điều ấy vậy. Trong bất cứ vật nào, ta đều thấy cái sức hoạt-động của Trời. Trong vật chất vô tri, Trời là cái năng-lực làm cho nguyên tử dính lại với nhau, trong thảo-mộc Trời là cái sinh lực còn trong động-vật, Trời là hồn, biết cảm-giác và có dục-tính, đến như trong loài người thì Trời lại là ý thức (conscience).

Trời thiên-nhiên, luôn luôn cai-quản vũ-trụ và làm như đặc-biệt thương người trên thế-gian hình như cái gì cũng dành để cho loài người. Thảo mộc để nuôi loài thú, loài thú để nuôi loài người, loài người sanh ra để trầm-ngắm và noi theo sự điều-hoà của vũ-trụ thiên-nhiên.

Đã thấy rằng vật thì hữu-hình, hữu chất và hành-động tức là vận-động thì tất cả mọi sự đều vừa là nguyên nhân vừa là hiệu-quả ; hiệu-quả của một nguyên nhân khác ; nguyên nhân của một hiệu-quả kia. Thế nên trong vũ-trụ hết thấy đều dính-dấp chẳng-chặt với nhau, hết thấy đều đã bị tiền-định. Không có ngẫu nhiên ; tin rằng mình được tự do là một ảo tượng, và tại không hiểu biết rõ-ràng tất cả nguyên nhân, hiện tượng xảy ra trong trời đất mà thôi.

Cũng như Héraclite, Zénon lấy lửa để hình dung Trời, nghĩa là cái động lực tiềm tàng trong vũ trụ. Lửa ấy khi thì biến ra muôn vật khi thì trở lại lửa, theo một luật nhất định. Cho nên nói rằng Trời làm ra vũ trụ, rồi vũ trụ trở lại Trời, cứ như vậy mãi mãi, theo một thứ tự nhất định. Những sự xảy ra ngày nay, nó đã xảy ra muôn triệu lần rồi và nó sẽ xảy ra như vậy nữa. Ta sống đây, đương làm gì đây, là ta cũng đã có làm như vậy không biết bao nhiêu lần trong thời-gian vô tận và cũng sẽ trở lại làm y hệt như vậy nữa, trong muôn kiếp sau.

Tóm lại, cái gì cũng là một phần tử của Trời cả và Trời biến chuyển đi lại luôn luôn theo một nhịp nhất định.

**LUÂN-LÝ** (morale).— Người ta là một tiểu vũ trụ gồm có hết thấy những cái gì trong trời đất, từ vật chất vô tri đến ý thức, ngang qua thực vật và động vật. Lại nữa, thiên nhiên noi theo một luật điều hòa mà người ta có thể biết được. Nên chỉ mục đích của loài người là bắt chước Trời, giữ cho được

điều hòa như Trời, thuận biến theo thiên nhiên. Nguyên-tắc luân lý chánh của học phái khắc kỷ là *Sống thuận theo thiên nhiên* (vivre conformément à la nature). Thiên nhiên là Trời, là Thiên-lý, là lẽ phải. Hễ người ta đạt đạo thánh hiền rồi, nghĩa là lúc nào cũng điều hòa như trời đất, cũng hợp với Thiên lý, thì có thể được coi ngang với Trời vậy.

Muốn đến đó trước hết phải có trí thức để biết đạo thiên nhiên, kẻ phải có nghị lực để thi hành đạo ấy. Phải cố gắng dấn và diệt sự ham mê và những dục tình nó là *tật bệnh của linh-hồn*. Sở dĩ có những tật bệnh tinh thần ấy là tại suy nghĩ, phán đoán lầm, hoặc duy trì trong đầu những hình ảnh sai lầm, cho rằng có giá trị những điều tự nó không có giá trị gì. Ấy vậy phải tập suy nghĩ đúng để hành động phải, nghĩa là hợp với lẽ phải, với đạo đức. Người ta phải nhớ rằng, khác với sinh vật khác, mình có lý-trí (la raison) cái phần ấy là cái phần cao quý nhất của Trời phú cho mình. Vậy nói hợp với thiên nhiên, tức là nói hợp với lý-trí, với lẽ phải.

Ngoài ra những cái gì có ăn chịu đến ý-chí nghị-lực thì nhà khắc-kỷ không lấy gì làm quan hệ. Như tật bệnh của thân thể, đau đớn, khổ nhục, nhà khắc-kỷ đều coi như không có. Trái lại, những tội lỗi, những hành vi xấu xa, dè hèn, đầu nhẹ, đầu nặng, thì Zénon lại coi là nặng như nhau hết thảy : Ăn cắp nhiều hay ít cũng là ăn cắp ; chết đuối giữa vời hay khít bên bờ sông cũng đều là chết đuối cả. Người không phải là người quấy, chớ không phải ở lưng chừng được.

Người ta, ai ai cũng có một phần thiên lý như nhau, nên nhà khắc kỷ phản đối chế độ nô lệ, chủ trương nhân loại đồng quyền và tự coi mình là công dân của cả vũ trụ. Họ vạch ra cho thế gian một đức tánh mà lâu nay không ai đề ý đến : lòng yêu nhân loại. Đâu có người là có dịp làm điều phải với họ (partout où il y a un homme, il y a place pour un bienfait).

Các triết gia khắc kỷ có tiếng, đồng thời hoặc sau Zénon là Cléanthe, Chrysippe, Ariston, Herillus ở Hy-lạp, còn ở La-mã thì Caton, Brutus, Thraséas, Epictète (người Hy-lạp), Senèque và vua Marc Aurèle. Học phái khắc kỷ sớm trở nên một tôn giáo cũng có đủ nghi lễ, giai cấp, khổ hạnh, có thầy dạy đạo, và các tín đồ có cách ăn mặc riêng : áo choàng dài, dề râu dài. Ảnh hưởng rất lớn, có thể sánh với đạo Gia-tô, nhưng chỉ đến hạng trung lưu và thượng lưu mà thôi,

**LÊ CHÍ THIÊP**

# RU'ONG VÀNG CỦA CON TÔI

của Mỹ-Ấm TRƯỞNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)



NG Lục-Thanh-Hiến nói rằng : « Bầy con chung trong một nhà, hễ gặp việc chung, dẽ nên hiệp lực đồng tâm mà lo cho rồi chuyện. » Đại khái như trong là việc phụng dưỡng tống táng, ngoài là việc giao thiệp khánh đếu, còn nhiều các việc công an công ích vẫn là việc chung thì nên chung chịu cùng nhau. Nhưng thắng hoặc mình giàu mà anh em nghèo, mình hay mà anh em hèn, thì cũng nên dốc lực đơm đương, chớ chẳng nên xô đẩy ganh tị cho nhau, để cho lỡ việc nhà và lỗi đạo hòa thuận.

Một nghĩa hợp quần đối với đạo anh em lại càng thiết yếu. Số là đầu sức thì mạnh, chia sức thì yếu; hùn của thì giàu, riêng của thì nghèo; hiệp mưu thì khôn, khác mưu thì dại, việc đời thảy đều như vậy, huống chi việc nhà. Việc nhà là việc chung của anh em, thì anh em phải nên một dạ một lòng mà làm lấy, huống chi mỗi hờ rãng lạnh, còn phòng hờ người ta trông vào. Kinh Thi nói rằng : « Huynh đệ huých vu tường, ngoại ngữ kỳ vũ », nghĩa là anh em dầu có lúc tranh đấu tại trong tường nhà, mà ra ngoài thì phải bình vục nhau mà phòng ngữ kẻ khác khi lờn. Muốn phòng ngữ kẻ khác khi lờn, thì anh em phải đầu sức, hùn của, hiệp mưu, hầu cho đủ khôn, đủ giàu và đủ mạnh. Ông Esope là nhà triết học nước Hy-lạp có đặt ra một câu chuyện ngụ-ngôn về nghĩa hợp-quần trong lối anh em một nhà như vậy :

Một ông già kia có một bầy con, muốn dạy cho chúng nó biết nghĩa hợp quần. Ngày kia ông lấy ra một nắm dừa đem bó tròn lại, mà trao cho bầy con biếu bẽ đi. Dừa nào dừa nấy đều hết sức bẽ mà đều không núng. Ông lại mở ra trao cho mỗi đứa mỗi chiếc, thì dừa nào cũng bẽ dặng gãy liề. Bấy giờ đây ông mới giải nghĩa cho chúng nghe rằng : « Các con đã thấy chưa ? Các con mà đồng lòng đầu cột với nhau như nắm

đũa bỏ lại kia, thì không kẻ nào ăn hiếp nổi; còn nếu các con chia lia nhau ra, thì người ta ăn hiếp dễ như bẻ từng chiếc đũa đó.

Đem nghĩa ấy mà suy cho tới, thì anh em hòa mục, ấy là cái điềm của nhà hưng-long; trái lại, anh em bất hòa, thì cửa nhà bề nào cũng phải suy-sút.

Kẻ đã biết soi vào gương ấy, thì không khi nào dám trái câu *Huỳnh tắc hữu, đệ tắc cung*, nghĩa là làm anh thì yêu em, làm em thì kính anh.

Dầu trong gia-đình có kẻ tối về lễ thường mà làm em bất cung, thì kẻ làm anh cũng cứ giữ đạo hữu, đứa em sẽ phải cảm hóa; hoặc làm anh bất hữu, thì kẻ làm em cũng cứ giữ đạo cung, người anh sẽ phải hồi tâm. Vả chẳng, anh hữu rồi em mới cung, em cung rồi anh mới hữu, cái đó là sự thương cảm ứng, vẫn chưa đủ khen. Đến như anh chẳng hữu mà em vẫn cung, em chẳng cung mà anh vẫn hữu, mới là lòng tốt chơn chánh, vốn tự tánh trời. Vậy thì trong lối anh em ai nấy đều nên ở cho hết đạo của mình, mà giữ lấy phần phải.

Nhứt là cái nhà cha mẹ đã thác, mà còn để lại đứa em nhỏ, thì kẻ làm anh chị phải nên giữ cái trách nhiệm thay mặt cha mẹ, thương em như con, gia công dạy nuôi và gây dựng nhà cửa vợ chồng, cho tới kỳ thành lập. Còn kẻ làm em mà đã nương dựa anh chị từ hồi còn nhỏ, thì cũng phải kính anh chị như cha mẹ, chớ nên quên ơn dạy nuôi gây dựng mà lười đạo làm em.

Xứ cái hoàn cảnh này mà anh hết đạo làm anh, em hết đạo làm em, ai nấy đều sẵn có cái tánh thiên lương, thì thấy ở một nhà bình dân nọ, tuy là chuyện nhỏ, mà trong ý vị ngụ có đạo nghĩa lớn, thử dẫn ra sau đây :

Nhà này cha mẹ thác đi, để lại hai người con trai; người anh có vợ, người em thì còn nhỏ. Di sản chỉ có một khoảnh ruộng, hằng mùa cây cấy trồng tria lấy huê lợi mà ăn. Trong ý người em thì chỉ biết vâng theo mạng lệnh của anh, sự ăn mặc đều nhờ cậy ở nơi anh, chớ đối với gia tài thì không có lòng nào nghĩ tới sự riêng tây gì hết. Song tự người anh thì nghĩ vì mình đã có vợ, mà em thì thơ ấu, còn phải lo gây dựng vợ con nhà cửa cho nó sau này. Mà gia sản của cha mẹ để lại chỉ có chừng ấy mà thôi, nếu lỡ mình ăn xài quá lạm phần đem cho hết đi, thì sau này lấy đâu mà gây dựng cho nó. Vậy hằng mùa thâu đặng huê lợi thì vẫn chia ra làm hai phần rành rẽ, đại khái như gặt được một trăm gia lúa thì đặng tại vựa phía đông năm chục gia là phần của mình, còn về phần của em năm chục gia thì đặng tại vựa phía tây.

Ngày kia người em bỗng sanh một tư tưởng : « Anh mình mắc có vợ con, ăn xài hao tốn, còn mình thì có dư dề đó, mà để cho anh bị thiếu hụt, lương tâm sao đành ? » Rồi đó trong đêm tối xách thùng đi xúc lúa của mình đem đổ qua vựa của anh. Tỉnh cờ không ben mà cũng đồng thì giờ này, người anh cũng có ý nghĩ phụ thêm cho em dựng phòng việc gầy dựng vợ con của nhà, cũng xách thùng đi xúc lúa của mình đem đổ qua vựa của em nữa. Chẳng dè đêm hôm tăm tối, hai anh em đụng đầu nhau, làm cho lúa đổ tứ tung. Chẳng ai hiểu ai, đồng cất tiếng hỏi : *Ừa, ai đó ?*

Nghe quen tiếng, hai anh em bết nhau, đều thổ lộ ra tình thiệt của mình và cảm tình rơi lệ. Búi ngủi khôn xiết, cùng ôm nhau và hôn nhau một cách mặn mà.

Nếu anh em ở đời đều đồng một dạ như anh em nhà binh dân này, thì sẽ hiệp nhau làm nước Bà Di, Thúc Tề (1), hay là nước Thái Bá, Ung Trọng (2) chớ dầu muôn chung ngàn tứ, cũng chẳng ai thêm làm chuyện thương luân bại lý như các nhà đế vương đã dẫn trên đây.

Anh em nhà người ta xử cảnh bình thường, mà anh yêu em kính, vẫn là đạo phải, nhưng còn là sự thương. Đến như xử cái hoàn cảnh biến khác mà chẳng lỗi đạo thương, chừng đó mới tỏ ra cái chí tánh đặc biệt. Như đối với anh em bất cung bất hữ, mà mình vẫn giữ toàn đạo cung hữ : hay là sau khi cha mẹ đã thác, mà anh em càng hết lòng cung hữ cùng nhau, thì mấy nghĩa phân giải trên đây, cũng đã thấy được sơ lược ở nơi chí tánh của các trang anh em đặc biệt.

Lại còn cái hoàn cảnh chẳng có chí là biến khác cho lắm, mà như tình thương biến khác, ấy là anh em cùng cha khác mẹ, tình đời chẳng những không cung hữ, mà lại đem lòng hiềm khích, thì kẻ ấy thiệt là trái lẽ trời và lỗi đạo người.

Số là loài người ta chỉ theo họ cha, đã cùng một cha tức là một dòng anh em ruột. Nếu phân biệt vì khác mẹ, thì là trọng mẹ mà khinh cha vậy, rồi sẽ đặt cha mình vào ngôi nào ?

(1) Bá-Di là con đầu của vua nước Cổ-trúc, thấy cha yêu con út là Thúc-Tề, có ý muốn truyền ngôi vua cho, ông Bá Di xin nhường; nhưng ông Thúc-Tề cũng không chịu rồi đó hai anh em nhường nhau mà mỗi người trốn đi mỗi nước. Sau vua Cổ-trúc thác, triều thần phải lập người con giữa. (Thương kỷ).

(2) Châu hầu Đăn-Phủ yêu con út là Qui-Lịch có ý muốn truyền ngôi; vua cho nhường e rằng bỏ lưã lập nhỏ có lẽ trái với quốc thống. Con ruồng là Thái Bá và con thứ là Ung Trọng chịu ý cha, bèn rủ nhau trốn qua nước Kinh man để nhường ngôi Thái tử cho em út là Qui-Lịch. (Thương kỷ)

# ÁI-TÌNH MIẾU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)



NH Hườn là người thân thiết của ba tôi, anh tôi rủ đi chơi thường, chớ phải mới một lần này đâu.

Cô Lý lại ngó Phúc mà nói tiếp: « Anh Phúc, em vui vẻ, em phấn chí luôn luôn là tại như vậy đó, anh hiểu hay chưa? »

Phúc gặc đầu hai ba cái, mà mắt ngó cái khuôn hình treo trên tường, không nói chi hết.

Ăn cơm rồi, chủ khách bàn tính với nhau rồi nhứt định xuống Saigon xem hát cải-lương. Cô Lý với vợ chồng Trường thì hân-hải, còn Phúc thì ép bụng đi theo, nên không vui chút nào hết.

Cô Lý mua 4 cái giấy hạng nhứt rồi mời khách vào. Hai cô ngồi giữa, Trường với Phúc ngồi chặn hai bên, cô Lý ngồi khít với Phúc.

Đào kép ca thì ăn rạp với đờn lắm, tiếc vì tuồng dặt lóp lang không trúng luật, có lóp vô ích, có lóp lảng nhách, còn câu tuồng thì không văn chương, mà lại xen nhiều tiếng boác quá thanh tao hoặc quá thô tục, không phù hiệp với địa vị của vai tuồng. Tuy Phúc không phê bình hay dở, nhưng mà cô Lý biết Phúc không thích, nên còn hai màn nữa mới vắng hát, mà cô Lý than khát nước và rủ vợ chồng Trường ra, dặng đi kiếm đồ uống giải khát. Trường dặt hết lại một nhà hàng khiêu-vũ, rồi bốn người choán một cái bàn gần cửa, biểu bồi lấy hai ly nước cam tươi cho hai cô, còn Trường với Phúc thì uống la-ve.

Trong nhà hàng đèn bóng xanh bóng đỏ xen nhau làm cho sáng mà không chói mắt. Tiếng nhạc đánh khi phù khi trầm, khi khoan khi nhặt, nam thanh nữ tú vịn nhau mà nhảy theo nhịp đờn. Trường có tánh thích khiêu vũ, nghe tiếng nhạc thì không thể không nhảy được, nên đứng dậy mời cô Mỹ nhảy một chập. Đờn dứt bản rồi, vợ chồng Trường trở lại bàn. Trường thấy Phúc ngồi trơ trơ, không mời cô Lý, thì nói :

- Ê, Phúc, sao toa không mời cô Lý nhảy chơi một cặp ?
- Mỏa không thích nhảy.
- Sao hồi bên Tây toa thích lắm ?
- Hồi đó mỏa thích, mà bây giờ mỏa không thích nữa.
- Dầu không thích toa cũng phải làm, bởi vì toa không nên để thất lễ với cô Lý.

Cô Lý cười. Phúc sợ thất lễ, nên nghe tiếng nhạc đánh lại thì liền đứng dậy cúi đầu trước mặt cô Lý. Cô Lý vui vẻ đứng dậy, rồi hai người cặp nhau mà nhảy. Vợ chồng Trường cũng ra nhảy nữa.

Phúc hồi ở bên Tây khiêu vũ thiện-nghệ ; tuy bỏ cách chơi này đã hơn hai năm rồi, nhưng mà nay cặp với cô Lý, mắt ngó mặt cô rất đẹp, mũi phởng phất mùi thơm tho, tai nghe đờn rập rình, khiến cho trong lòng khoan khoái, quên hết nỗi sầu bây giờ, nhớ tới nghề hay hồi trước, rồi nhảy với cô Lý một chập xuất sắc.

Tiếng đờn dứt. Phúc cúi đầu cảm ơn cô Lý, bỏ tịch thiết là cô duyên, chớ không phải quê mùa như hôm trước. Vợ chồng Trường đắc ý, nên ngó nhau mà cười. Bây giờ Phúc như mê như say, nên vừa nghe tiếng đờn trỗi lên lại thì liền đứng dậy mời cô Mỹ. Trường với cô Lý ngồi coi Phúc nhảy với cô Mỹ thiết là nhẹ nhàn gọn ghẽ, nên trầm trồ khen hoai.

Chừng đờn dứt, hai người trở lại bàn thì cô Lý nói với Phúc : « Anh Phúc nhảy tài quá. Nhảy với anh dầu mấy hiệp em cũng không biết mệt ».

Phúc cười mà đáp : « Bỏ đã hơn hai năm, tôi tưởng nhảy không được nữa, té ra cũng còn nhảy được ».

Đờn đánh lại, Phúc mời cô Lý nhảy nữa. Hai người đương mê mẩn với điệu nghệ khiêu-vũ, thỉnh lình M. Khuyến cặp tay cô Hạnh ở ngoài bước vô, rồi lại cái bàn gần một bên bàn của bọn Trường mà ngồi. Phúc liếc thấy thì biến sắc, bủn-rũn tay chơn, nhảy không được nữa, cứ kéo chơn xa-lĩa, không còn nhẹ nhàn gọn ghẽ như hồi nãy. Cô Lý lấy làm lạ.

Chừng dứt đờn, cô Lý cặp tay Phúc mà trở lại bàn, cô ngó thấy cô Hạnh, thì cô mời biếu tại cô cô Hạnh nên Phúc mới bủn-rũn. Cô Lý kéo ghế mà ngồi, còn Phúc thì đứng chống nạnh ngó cô Hạnh trân trân, mắt đỏ au, mặt tái lét.

Cô Lý ngó hai vợ chồng Trường rồi ra dấu chỉ cô Hạnh. Trường biếu được rồi, bèn bước lại kéo Phúc mà biếu ngồi. Phúc té ngồi trên ghế, cặp mắt chàng-vàng, trong lòng bưng-

khuân, lấy tay đè cái ngực, dường như sợ trái tim nhảy mạnh quá mà phải bẻ,

7 Bây giờ Khuyến với cô Hạnh cặp nhau mà khiêu-vũ. Phúc ngồi ngó lờm lờm. Cô Lý theo ngó chừng Phúc rồi mời Phúc nhảy nữa, tưởng làm như vậy dặng giải khuây cho Phúc. Phúc lắc đầu mà từ.

Trường thấy Phúc tức giận đau đớn quá, sợ ngồi trong nhà hàng nữa rồi có việc không hay, nên kêu bồi mà trả tiền rượu rồi đứng dậy cặp tay Phúc mà kéo ra cửa, hai cô theo sau. Ra tới cửa mà Phúc còn day đầu ngó lại và nói với Trường: « Cô Hạnh bội ước với mỗ là người đó ; vô ngồi cái bàn gần bên bàn mình, rồi bây giờ đương nhảy kia, toa thấy hôn ? Cô hân áo màu xanh lông kết, nhảy với người mặc đồ trắng đó ».

Phúc cười và đáp : « Mỗ biết, nên mỗ mới kéo toa đi cho khỏi gai mắt ».

Cô Lý bước tới nói : « Anh Trường, vợ chồng M. Khuyến. bác-sĩ nhờ rằng, em nói với anh hôm trước, là người đó ».

Trường gặc đầu đáp : « Biết rồi... Không có gì hay... »

Phúc đứng lại bồi Trường :

— Toa kéo mỗ đi đâu ?

— Đi đâu cũng được, miễn ra khỏi chỗ này.

— Mỗ muốn ở đây.

— Ở đây làm gì ?

Phúc rờ tay nơi trán mà suy nghĩ rồi đáp :

— Mỗ muốn nói chuyện với chồng cô Hạnh một chút.

— Ồ ! Nói chuyện gì ?... Không nên... Bỏ đi.

— Bỏ không được. Người ta giựt vợ mỗ, nếu mỗ lặng thinh thì khiếp nhục quá.

— Có lẽ không phải tại người ta.

— Vậy chờ tại ai ?

— Tại cô Hạnh... hoặc tại cha mẹ cô... biết đâu.

Phúc tức giận, bộ bầm bầm. Trường kéo tay bồi lên xe rồi hối sếp-phơ chạy vô Chợ-lớn.

Vì Phúc không có tổ tâm sự của mình cho cô Mỹ và cô Lý biết, bởi vậy hai cô không dám xen vô nói tới việc cô Hạnh, chỉ liếc mắt dòm chừng cử chỉ của Phúc mà thôi. Phúc ngồi phía trước với sếp-phơ, cứ khoanh tay trên ngực mà ngó tới không nói chi hết. Xe vô tới Chợ-lớn, Trường không biết phải đi đâu nữa, hỏi Phúc muốn ăn mì ăn cháo hay không thì Phúc lắc đầu nói : « Không. Mỗ muốn về cho mau mà ngủ. »

Trường biểu sắp-phơ chạy vòng ra Phú-nhuận mà đưa cô Lý về. Chừng xe ngừng, cô Lý bước xuống, cô từ già mà cô ngó Phúc với cặp mắt rất buồn thắm rồi cô nói với cô Mỹ : « Đề mai tôi ra nhà chị chơi rồi chị em mình sẽ nói chuyện ».

Cô Mỹ hiểu ý cô Lý muốn nói chuyện. Phúc đối với cô Hạnh nên có gác đầu rồi biểu sắp-phơ chạy trở về nhà.

Sáng bữa sau vợ chồng Trường thức dậy thì thấy Phúc đã thay đồ rồi và đương sắp y phục vào hoa ly. Trường hiểu ý Phúc muốn về, song cũng hỏi :

— Toa sửa soạn đồ đạc đi đâu ?

— Mỏa về Bến-súc.

— Về làm gì mà gấp vậy ? Ở chơi vài bữa nữa.

— Thôi, mỏa không nên ở chung một chỗ với cô Hạnh.

Mỏa lân la ở đất Saigon, sợ chẳng khỏi tội sát nhơn.

— Toa nói nghe ghê quá ! Sà gì một con đàn bà vong tình bội nghĩa mà toa giận đến thế. Mỏa khuyên toa hãy coi người dè tiện ấy như một chiếc giày rách, toa quăng vô giỏ rác cho rồi, đừng thêm tiếc.

— Toa chưa bị uất vì tình nên toa mới nói như vậy được. Nếu toa ngồi cái địa vị của mỏa thì toa mới hiểu,

— Thiếu gì đàn bà con gái quý bằng mười người ấy, Thử đồ bạc nghĩa, cần gì mà phải nhọc lòng ?

Phúc lắc đầu, không cãi nữa.

Trường biết không thể cầm nữa được, nên hối vợ coi dọn đồ cho Phúc ăn lót lòng, rồi biểu sắp-phơ đem xe ra mà đưa Phúc về Bến-súc.

## VII



ÁCH ba tuần lễ sau, cũng còn bãi trường, nên Trường rảnh rang.

Một buổi sớm mai, Trường ngồi tại bàn viết trên lầu mà đọc sách. Cô Mỹ ngồi gần cửa sổ mà thêu khăn mu-soa. Hai vợ chồng mỗi người đều mắc chú ý về việc riêng của mình, nên

không ai nói tới ai, làm cho trong nhà im-lìm an tĩnh.

Thình lình cô Mỹ kêu chồng mà hỏi :

— Anh, tại sao mà anh Phúc thương tiếc cô Hạnh quá như vậy, anh biết hôn ?

— Tại ái-tình.

— Em sợ không phải. Cô Hạnh là con một, mà cha mẹ cô lại có tiền nhiều, nghe nói cao-su mỗi tháng bán tới năm sáu

ngàn đồng. Tôi nghĩ anh Phúc cưới cô Hạnh không được, ảnh tức về sự hổng mối lợi lớn, chớ không phải tại tình tự gì hết.

— Ô ! Em xem Phúc rẻ quá ! Phúc tuy không phải con nhà giàu lớn, song cũng có huê-lợi xài không hết, chớ phải nghèo khổ gì hay sao nên tham tiền.

— Vậy chớ có Hạnh là gái nhà-quê mới học làm tốt, bỏ như bà bóng, có duyên có sắc gì đó, mà anh Phúc thất tình thất chí gần cuồng trí.

— Cô Hạnh coi cũng được chớ.

— Được giống gì ? Chị Lý chỉ nói tuần trước chỉ đi xem hát bóng, chỉ gặp cô Hạnh, chỉ làm quen rồi nói chuyện chơi. Cô Hạnh nói chuyện nghe lời thôi lắm, không có duyên dùng gì hết.

— Cô lý tọc mạch quá ! Làm quen chi vậy ?

— Chỉ nói với em để chi răn nghiên-cứu coi cô Hạnh là người gì mà anh Phúc mê đến nỗi thất chí. Chỉ tính bữa nào rảnh chỉ sẽ đi thăm cô Hạnh rồi chỉ mời cô Hạnh lên nhà chỉ. Hề cô Hạnh chịu, thì chỉ sẽ cho em hay dặng em lên cho gặp mặt nhau.

— Đàn-bà bày chuyện quá.

— Anh không muốn cho em làm quen với cô Hạnh hay sao ?

— Làm quen có ích gì, nhứt là làm quen với người như vậy ; dầu họ giàu mấy mươi cũng chẳng nên gần họ.

— Xin anh đừng cản, để cho em với chị Lý làm quen dặng dọ coi tại có nào mà cô đành bỏ anh Phúc để ưng người khác.

— Cô Lý có ý gì với Phúc hay sao mà cô lo lắng việc của Phúc quá như vậy ?

— Có ý gì ở đâu. Tại hôm trước anh nói anh Phúc là người có bệnh, anh biểu phải giúp với anh mà chữa bệnh giùm cho anh Phúc, nên chị Lý mới lưu tâm như vậy chớ,

— Em thân thiết với cô Lý. em có thấy cô Lý có chút tình nào với Phúc hay không ?

— Không có đâu. Chị Lý thấy anh Phúc thất tình rồi chán đời thì chỉ tội nghiệp giùm cho thân anh Phúc mà thôi, chớ chỉ không có tỏ lời nào để cho em thấy chỉ có tình.

Vinay: 1,500 2p

(Còn nữa)



